

Bản án số: 268/2023/HC-PT

Ngày: 21/ 8/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 93/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2634/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc T, địa chỉ: số B N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1954; địa chỉ: A N, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố N; địa chỉ trụ sở: D L, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố N và Chủ tịch UBND thành phố N: Ông Nguyễn Khánh N – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại D, Phó Chủ tịch, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Khánh N – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu T1 - nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: A H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, biên bản đối thoại và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Vào tháng 02/2018, ông Nguyễn Ngọc T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C thửa đất rừng sản xuất có diện tích 15.113,9m² là thửa đất số 179, tờ bản đồ số 63 tại thôn P, xã P, thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07728 do UBND thành phố N ngày 08/02/2018 cấp cho vợ chồng ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C. Cùng trong thời gian này, ông Nguyễn Ngọc T tiếp tục nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Châu Quang V thửa đất rừng sản xuất có diện tích 3.560m², thửa đất số 01, tờ bản đồ số 07 tại thôn P, xã P, thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số CH07541 ngày 16/01/2018 do UBND thành phố N cấp cho bà Nguyễn Châu Quang V. Ông Nguyễn Ngọc T đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý sang tên vào ngày 26/02/2018.

Sau khi nhận chuyển nhượng hai thửa đất nói trên, do thấy hiện trạng đất không bằng phẳng, trên đất không còn rừng mà chỉ còn trơ trọi lại đất đá gồ ghề, gốc cây và các hồ trũng sâu đọng nước, nên ông T đã tiến hành san gạt lại, lấp chỗ đá bị mức trũng cho bằng nhằm mục đích dễ canh tác, trồng trọt hơn về sau.

Tuy nhiên, ngày 17/8/2018, Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 6971/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông T và ngày 16/7/2019 UBND thành phố N ban hành quyết định số 1946/QĐUBND về việc: “thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH7728 ngày 08/02/2017 (do UBND thành phố cấp cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C) và số CH07541 ngày 16/01/2018 (do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Châu Quang V) đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố N chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 26/02/2018.

Không đồng ý với quyết định nói trên nên ngày 21/9/2019 ông Nguyễn Ngọc T có đơn khiếu nại về quyết định số 1946/QĐ-UBND của U và ngày

06/6/2020 Ủy ban nhân dân T ban hành quyết định số 3345/QĐ-UBND việc giải quyết khiếu nại: “Bác đơn của ông Nguyễn Ngọc T, địa chỉ: 2 N, phường P, thành phố N khiếu nại quyết định 1946/QĐUBND ngày 16/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH7728 ngày 08/2/2018 tại thửa đất số 179, tờ bản đồ 63 (do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C) và số CH07541 ngày 16/1/2018 tại thửa đất số 01, tờ bản đồ 17 (do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Châu Quang V) được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 26/2/2018.

Ông Nguyễn Ngọc T không đồng ý với các quyết định nói trên của Ủy ban nhân dân thành phố N. Việc ông thực hiện hoạt động san gạt mặt bằng, cải tạo đất, làm đường bê tông khi chưa được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền nhưng phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật đất đai 2013. UBND thành phố N quyết định thu hồi đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chỉnh lý sang tên cho ông là không đúng, bởi lẽ vì lý do sau:

- Theo Điều 9 Khuyến khích đầu tư vào đất đai. Nhà nước có chính sách khuyến khích người sử dụng đất đầu tư lao động, vật tư tiền vốn và áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào các việc sau đây:

1. Bảo vệ, cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất;
2. Khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước hoang hóa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cấu hạ tầng để làm tăng giá trị của đất”.

Như vậy việc san gạt mặt bằng là việc cải tạo đất (khoản 1 điều 9), làm đường bê tông là để phát triển kết cấu hạ tầng để làm tăng giá trị của đất (khoản 3 Điều 9). Việc làm này là đúng theo quy định của pháp luật chứ không có hành vi hủy hoại đất như Ủy ban nhân dân thành phố N đã nêu.

- Ông T không có hành vi cố ý hủy hoại đất; hành vi san gạt đất của ông T có bị xem là hành vi hủy hoại đất hay không, cần có cơ quan chuyên môn kết luận hành vi đó có dẫn đến hậu quả làm cho đất mất hoặc giảm khả năng sử dụng.

- Theo như kết quả đo đạc được Ủy ban nhân dân thành phố N công bố tại biên bản đối thoại ngày 20/5/2020 thì diện tích đất ông T san gạt, làm đường bê tông tổng cộng là 18.318,29m² (trong đó có 2.121,5m² làm đường bê tông). Hành vi san gạt, làm đường bê tông mà ông T đã thực hiện là hành vi tự ý chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và hành vi sử dụng đất không đúng mục đích này, ông T không tiếp tục vi phạm nên không bị thu hồi đất theo như quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013.

- Cơ quan chức năng không chứng minh được ông T có hành vi làm biến dạng địa hình vì việc san gạt đất trên thực tế không làm thay đổi độ dốc bề mặt đất hoặc hạ thấp bề mặt đất. Mặt khác, theo như quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 19/11/2013 của Chính phủ, thì khái niệm “làm biến dạng địa hình” loại trừ trường hợp “hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao”, trong khi đó hành vi san gạt đất

mà ông T đã thực hiện là một hình thức cải tạo đất, với mục đích làm cho việc trồng trọt, canh tác thuận lợi hơn. Thực tế đất sau san gạt vẫn có thể sử dụng rất tốt vào mục đích trồng rừng sản xuất; *(phù hợp với Phiếu tổng hợp kết quả phân tích mẫu của V1 do ông Nguyễn Thanh B nộp bổ sung ngày 19/10/2022).*

- Diện tích đất của ông T nằm trong quy hoạch đất ở nông thôn, trồng cây lâu năm và rừng sản xuất, nên việc san gạt đất, làm đường bê tông là tự ý chuyển mục đích, sử dụng đất không đúng mục đích nhưng phù hợp với quy hoạch.

Vì những lý do trên nên ông T không đồng ý với các quyết định: Quyết định số 6971/QĐ-XPVPHC ngày 17/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản; Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07728 ngày 08/02/2018 (do UBND thành phố cấp cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C) và số CHO7541 ngày 16/01/2018 (do UBND thành phố N cấp cho bà Nguyễn Châu Quang V) đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 26/02/2019 (còn gọi là quyết định 1946) và Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 06/6/2020 của UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T khiếu nại quyết định số 1946/QĐUBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên hủy các Quyết định nêu trên. (gọi là quyết định 1946 và quyết định 3345)

Tại phiên tòa ông B tự nguyện rút yêu cầu hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 6971/QĐ-XPVPHC ngày 17/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, chỉ yêu cầu hủy Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07728 ngày 08/02/2018 (do UBND thành phố cấp cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C) và số CHO7541 ngày 16/01/2018 (do UBND thành phố N cấp cho bà Nguyễn Châu Quang V) đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 26/02/2019 và Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 06/6/2020 của UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T khiếu nại quyết định số 1946 (gọi là quyết định 1946 và quyết định 3345).

* *Tại văn bản số 1749/UBND-TNMT ngày 24/3/2021 và văn bản 221/UBND-TNMT ngày 13/01/2022 của ủy ban nhân dân thành phố N và quá trình tố tụng, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

1. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc T: Theo hồ sơ, ông Nguyễn Ngọc T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ 63, diện tích 15.113,9m² (được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận số CH07728 ngày 08/02/2018 cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C) và thửa đất số 01, tờ bản đồ 17, diện tích 3.560m² (được UBND

thành phố N cấp Giấy chứng nhận số CH07541 ngày 16/01/2018 cho ông Nguyễn Châu Quang V) thôn P (nay là thôn P), xã P, thành phố N, với mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất, có tổng diện tích là 18.673,9m² theo các Giấy chứng nhận đã cấp và Chi nhánh Văn phòng Đ chính lý sang tên ngày 26/02/2018. Trong quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Ngọc T đã tự ý đào, múc, san gạt mặt bằng, khai thác khoáng sản trên đất rừng sản xuất không được phép của cơ quan có thẩm quyền, bị UBND xã P phát hiện và lập hồ sơ xử lý theo thủ tục hành chính.

2. Về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc T:

Ngày 14/8/2018, UBND xã P tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 000495/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Ngọc T về hành vi: Vi phạm về khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, với khối lượng khai thác khoáng sản khoảng 20m³ – 30m³ tại thửa đất số 179, tờ bản đồ số 63 thôn P (nay là thôn P), xã P, thành phố N vi phạm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 44 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản và có Tờ trình số 1600/TTr-UBND chuyển hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính của ông Nguyễn Ngọc T đến Phòng T (do mức phạt tiền 15.000.000 đồng vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã).

Ngày 15/8/2018, Phòng T đã có Tờ trình số 8246/TTr-TNMT trình Chủ tịch UBND thành phố N xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc T.

Ngày 17/8/2018, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 6971/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc T về hành vi trên, với số tiền phạt 15 triệu đồng và buộc ông Nguyễn Ngọc T phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn trước khi vi phạm theo quy định. Ông Nguyễn Ngọc T đã chấp hành nộp tiền phạt (theo Biên lai thu số 0009176 ngày 28/8/2018) nhưng không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Như vậy, việc ông Nguyễn Ngọc T khai thác khoáng sản trên đất rừng sản xuất tại khu vực trên khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố N đã xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc T tại Quyết định trên là đúng quy định của pháp luật nên ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu hủy Quyết định số 6971/QĐ-XPVPHC ngày 17/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N là không có cơ sở.

3. Về thu hồi đất và Giấy chứng nhận do vi phạm pháp luật đất đai về hành vi hủy hoại đất đối với ông Nguyễn Ngọc T:

Do ông Nguyễn Ngọc T nhận chuyển nhượng đất rừng sản xuất tại khu vực trên, nhưng không sử dụng đất đúng mục đích mà tự ý đào, múc đất, khai thác khoáng sản trái phép (đã bị Chủ tịch UBND thành phố N xử phạt tại Quyết định số 6971/QĐ-XPVPHC ngày 17/8/2018); san gạt mặt bằng, làm đường bê tông không được cơ quan có thẩm quyền cho phép đã làm biến dạng địa hình là

vi phạm pháp luật đất đai về hành vi hủy hoại đất với diện tích lớn có dấu hiệu phân lô, bán nền trên đất rừng sản xuất. Hành vi vi phạm hành chính của ông Nguyễn Ngọc T là hết sức nghiêm trọng ảnh hưởng đến cảnh quang môi trường, có thể gây sạt lở đất và không thể khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm.

Theo kết quả đo đạc thực tế tại Mảnh trích đo địa chính số 02/2019 ngày 26/12/2019 do Công ty TNHH D1 xác lập được UBND xã P xác nhận thì thửa đất số 179, tờ bản đồ 63, và thửa đất số 01, tờ bản đồ 17 đã san gạt với diện tích là 18.318,2m²(trong đó có 2.121,5m² đất làm đường bê tông).

Tuy nhiên, trước đây hành vi hủy hoại đất *làm biến dạng địa hình* không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ nhưng thuộc trường hợp bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013, phải thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 và được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 66 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (Sở T3 đã hướng dẫn tại Công văn số 942/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/3/2017).

Căn cứ các quy định trên, UBND xã P đã xác định việc ông Nguyễn Ngọc T san gạt mặt bằng làm đường bê tông tại 02 thửa đất trên đã làm biến dạng địa hình là hành vi Hủy hoại đất (theo Công văn số 1270/UBND ngày 19/4/2019) và Phòng T đã phối hợp với UBND xã P tiến hành kiểm tra thực địa và lập Biên bản xác định hành vi vi phạm pháp luật đất đai ngày 11/7/2019 đối với ông Nguyễn Ngọc T về hành vi hủy hoại tại 02 thửa đất (thửa đất số 179, tờ bản đồ 63, và thửa đất số 01, tờ bản đồ 17) thôn P, xã P.

Ngày 12/7/2019, Phòng T đã có văn bản số 6013/TNMT trình UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với ông Nguyễn Ngọc T (theo các Giấy chứng nhận đã được Chi nhánh Văn phòng Đ chính lý sang tên ngày 08/02/2018 và 26/02/2018).

Như vậy, việc UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07728 ngày 08/02/2018 tại thửa đất số 179, tờ bản đồ 63 (do UBND thành phố cấp cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C) và số CHO7541 ngày 16/01/2018 tại thửa đất số 01, tờ bản đồ 17 (do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Châu Quang V) được Chi nhánh văn phòng Đ chính lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 26/02/2018, với lý do: có ý hủy hoại đất là thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định. Do đó, việc ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu hủy Quyết định trên là không có cơ sở.

4. Về quyết định giải quyết khiếu nại: Sau khi nhận được quyết định trên (Biên bản tổng đạt ngày 22/8/2019 của UBND xã P), ông Nguyễn Ngọc T không đồng ý và có đơn khiếu nại ghi ngày 21/9/2019 vì cho rằng tình trạng đào

mức đất nham nhở là đã có trước đây và hiện trạng khi nhận chuyển nhượng đã không bằng phẳng, không có cây cối chỉ còn đất, đá và các hố sâu đọng nước...nên ông Nguyễn Ngọc T đã tự ý san gạt lại mặt bằng, cải tạo đất (không được cơ quan có thẩm quyền cho phép) nhằm mục đích làm cho thửa đất bằng phẳng, không hủy hoại đất làm biến dạng địa hình, nên đề nghị UBND thành phố N xem xét thu hồi lại Quyết định trên và tạo điều kiện cho phép được tiếp tục sử dụng đất.

UBND thành phố N đã tiến hành các thủ tục thụ lý đơn khiếu nại, thành lập tổ xác minh tại Quyết định số 7941/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 và thông báo cho ông Nguyễn Ngọc T được biết đơn khiếu nại được thụ lý tại Thông báo số 1624/TB-UBND ngày 04/10/2019.

Theo kết quả xác minh nội dung khiếu nại: Trong quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Ngọc T đã tự ý đào mức san gạt mặt bằng trên đất rừng sản xuất và vận chuyển đất trái phép bị UBND xã P phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản không được phép của cơ quan có thẩm quyền và trình Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 6971/QĐ-XPVPHC ngày 17/8/2018 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Ngọc T, với số tiền phạt 15 triệu đồng và buộc phục hồi môi trường đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn trước khi vi phạm (theo báo cáo của UBND xã P tại văn bản số 1617/UBND ngày 16/8/2018). Ông Nguyễn Ngọc T đã chấp hành nộp tiền phạt nhưng chưa thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Như vậy, việc ông Nguyễn Ngọc T đã tự ý đào, mức trên đất rừng sản xuất tại khu vực trên và vận chuyển đất ra khỏi thửa đất khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật về khoáng sản (hành vi khai thác đất trái phép) và cũng vi phạm pháp luật về đất đai thuộc hành vi hủy hoại đất làm biến dạng địa hình. Đồng thời, theo hiện trạng thực tế ngoài hành vi san gạt mặt bằng trái phép làm biến dạng địa hình khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, ông Nguyễn Ngọc T đã có hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản tự ý đưa đất ra ngoài khu vực khai thác; tự ý xây dựng đường bê tông vi phạm về xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch được duyệt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 139/2017NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ) với diện tích lớn có dấu hiệu phân lô, bán nền trên đất rừng sản xuất. Hành vi vi phạm hành chính của ông Nguyễn Ngọc T đã vi phạm trên các lĩnh vực đất đai, khoáng sản, xây dựng là hết sức nghiêm trọng làm phá vỡ quy hoạch, ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, có thể gây sạt lở đất và không thể khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm.

Do đó, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1946/QĐUBND ngày 16/7/2019 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với ông Nguyễn Ngọc T (theo các Giấy chứng nhận đã được Chi nhánh Văn phòng Đ chính lý sang tên ngày 26/02/2018).

Ngày 20/5/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố đã đối thoại với ông Nguyễn Đức P (là người được ông Nguyễn Ngọc T ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 2537, quyền số 02/2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/4/2019 do Văn phòng C1-Phạm T2 chứng nhận). Căn cứ kết quả xác minh nêu trên và kết quả đối thoại, việc ông Nguyễn Ngọc T khiếu nại đối với Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 16/7/2014 của UBND thành phố N và đề nghị thu hồi Quyết định trên là không có cơ sở giải quyết.

Từ những nhận định và căn cứ trên nên UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 06/6/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T là đúng quy định. Việc ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu hủy Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND thành phố N là không có cơ sở.

** Tại văn bản số 323/UBND ngày 23/02/2022 Ủy ban nhân dân xã P trình bày :*

Ngày 30/7/2018 UBND xã P đã có Biên bản làm việc với ông Nguyễn Ngọc T (là chủ sử dụng đất) tại thửa đất số 179 tờ bản đồ 63 thôn P, về việc tự ý đào mức đất và vận chuyển đất ra khỏi vị trí thửa đất nêu trên. Ngày 14/8/2018, UBND xã P đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản số 0495 đối với ông Nguyễn Ngọc T, đồng thời có Tờ trình số 1600/TTr-UBND ngày 14/8/2018 với số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng chẵn); ngày 17/8/2018 UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 697/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông Nguyễn Ngọc T. Ông T đã chấp hành nộp phạt theo quy định.

Vào thời điểm này ông Nguyễn Ngọc T vẫn tiếp tục thực hiện các hành vi vi phạm theo Luật đất đai năm 2013 do vậy, Phòng Quản lý Đô thị và Phòng T thành phố phối hợp cùng UBND xã P thực hiện theo chỉ đạo của UBND thành phố N tại các Công văn sau:

- Công văn số 2716/QLĐT-TTXD ngày 10/8/2018 về việc xử lý 02 trường hợp san lấp đất, khai thác đất phân lô bán nền trên địa bàn xã P của Phòng Quản lý Đô thị thành phố.

- Công văn số 5750/UBND-QLĐT ngày 17/8/2018 về việc xử lý 02 trường hợp san lấp đất, khai thác đất phân lô bán nền trên địa bàn xã P của UBND thành phố N

- Công văn số 6650/UBND-TNMT ngày 24/9/2018 về việc xử lý các trường hợp khai thác, san lấp đất nền, sử dụng đất sai mục đích trên địa bàn xã P của UBND thành phố N.

- Công văn số 9068/TNMT ngày 14/9/2019 về việc báo cáo các trường hợp khai thác, san lấp đất nền, sử dụng đất sai mục đích trên địa bàn xã P, thành phố N của Phòng T.

Như vậy xét thấy, hành vi của ông Nguyễn Ngọc T đã dùng máy ủi san gạt mặt bằng tại thửa đất số 1 tờ bản đồ 17 được UBND thành phố N cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 16/01/2018 cho bà Nguyễn Châu Quang V với diện tích 3560m² mục đích sử dụng đất rừng sản xuất; (trong đó 2174,1m² đất thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm, 1385.9m² đất thuộc khu vực quy hoạch đất rừng sản xuất), tại mục IV những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T theo hồ sơ số 804359 và thửa đất số 179 tờ bản đồ 63 được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 08/02/2018 cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C với diện tích 15113,9m²; mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất; (Theo quyết định 2851/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của UBND tỉnh K về việc phê duyệt QH QSDĐ đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011-2015 toàn bộ thửa đất thuộc khu vực quy hoạch đất rừng sản xuất), tại mục IV những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T theo hồ sơ số 804612. CN 001. Đây là hành vi hủy hoại đất tại Điều 3 Luật đất đai 2013 (làm biến dạng địa hình thuộc hành vi hủy hoại đất bị điều chỉnh tại Điều 64 Luật đất đai năm 2013), nên thuộc trường hợp bị thu hồi đất.

Hiện tại thửa đất số 179 tờ bản đồ số 63; thửa số 01 tờ bản đồ 17 tại thôn P (nay là thôn P) đã được UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 07728 ngày 08/02/2017 (do UBND thành phố cấp cho ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C) và số CH 07541 ngày 16/01/2018 (do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Châu Quang V) đã được Chi nhánh văn phòng Đ chính lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T ngày 26/02/2019.

Ngày 19/02/2020, UBND xã P đã nhận mốc theo Biên bản cắm mốc và bàn giao đất trên thực địa của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N và toàn bộ khu đất này đang thuộc sự quản lý của UBND xã P. Hiện trạng trên đất có đường bê tông; trụ bê tông có gắn bóng điện năng lượng mặt trời và trồng một số cây xanh là sau khi ông Nguyễn Ngọc T đã thực hiện hành vi vi phạm như nêu trên.

Ngày 14/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất số 179, tờ bản đồ số 63 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 17 tại thôn P (nay là thôn P), xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa lập Biên bản mô tả hiện trạng như sau: *“Trên hai thửa đất có 02 đường bê tông dọc và 01 đường đường bê tông ngang (căn cứ theo Mạnh trích đo địa chính số 02-năm 2019): - Đường bê tông dọc bên ngoài: 01 bên trồng hàng cây; 01 bên trồng hàng trụ điện (06 trụ điện).*

- Đường bê tông ngang bên trong: 01 bên trồng hàng cây, 01 bên trồng hàng trụ điện (08 trụ điện).

Trên 02 thửa đất có nhiều cây đại, khoảng 80 cây trồng (ông B khai là cây lim do ông T tự trồng theo hợp đồng với công ty C2) và 09 cây chuối nhỏ.”

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 158; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm c khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng Mục 25 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 64 Luật đất đai; khoản 3 Điều 3 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về yêu cầu hủy: Quyết định số 6971/QĐ-XPVPHC ngày 17/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông Nguyễn Ngọc T;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T hủy Quyết định số 1946/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH07728 ngày 08/02/2018 và số CH07541 ngày 16/01/2018 đã chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T vào ngày 08/02/2018 và ngày 26/02/2018.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về tuyên hủy Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 3/11/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, và trình bày: Ông Nguyễn Ngọc T không hề có hành vi cố ý hủy hoại đất, sau khi bị thu Giấy chứng nhận QSD đất ông T đã có yêu cầu giám định chất lượng mẫu đất kết quả của Bộ T4 và MT xác định toàn bộ diện tích đất ông T không bị hủy hoại như kết luận của UBND thành phố N, đề nghị chấp nhận kháng cáo, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Vụ án ông T khởi kiện giống với hai vụ án trước đây đã xét xử và đều hủy các quyết định của UBND thành phố N về thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất. Hành vi của ông Nguyễn Ngọc T san ủi mặt bằng làm đường bê tông không phải là hành vi cố ý hủy hoại đất, và chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính, thực tế ông T vẫn sử dụng trồng cây rừng

trên đất; đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ kháng cáo, căn cứ khoản 2 Điều 241 LTTHC sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm, hủy quyết định 1946/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND thành phố N, hủy quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 9/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Ngọc T nhận chuyển nhượng đất rừng sản xuất của vợ chồng ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C có diện tích 15.113,9m² thửa số 179, tờ bản đồ số 63 tại thôn P, xã P, thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07728 do UBND thành phố N ngày 08/02/2018 cấp cho vợ chồng ông Nguyễn S và bà Nguyễn Thị C và nhận chuyển nhượng đất rừng sản xuất của ông Nguyễn Châu Quang V có diện tích 3.560m², thửa đất số 01, tờ bản đồ số 07 tại thôn P, xã P, thành phố N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số CH07541 ngày 16/01/2018 do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Châu Quang V. Ông Nguyễn Ngọc T đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chỉnh lý sang tên vào ngày 8/2/2018 và 26/02/2018. Trong quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Ngọc T đã san ủi đất, làm đường bê tông nhưng không xin phép cơ quan có thẩm quyền. UBND xã P, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính xác định ông T có hành vi vi phạm và trình ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Ngọc T.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T, thấy:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố N:

[2.1.1] Quyết định số 1946/QĐUBND ngày 16/7/2019 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với ông Nguyễn Ngọc T với lý do thu hồi: Cố ý hủy hoại đất, căn cứ vào Biên bản xác định hành vi vi phạm do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N lập ngày 11/7/2019 có xác nhận của UBND xã P. Theo quy định tại Mục 25, Điều 3 Luật Đất đai: *“Hủy hoại đất là hành vi làm biến dạng địa hình, làm suy giảm chất lượng đất, gây ô nhiễm đất, làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định”*. Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định: *“3. Hủy hoại đất là hành vi làm biến dạng địa hình hoặc làm suy giảm chất lượng đất hoặc gây ô nhiễm đất mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định, trong đó:*

a) Làm biến dạng địa hình trong các trường hợp: thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất do lấy đất mặt dùng vào việc khác hoặc làm cho bề mặt đất thấp hơn so với thửa đất liền kề; san lấp đất có mặt nước chuyên dùng, kênh, mương tưới tiêu nước hoặc san lấp nâng cao bề mặt của đất sản xuất

nông nghiệp so với các thửa đất liền kề; trừ trường hợp cải tạo đất nông nghiệp thành đất ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê.....đ) Làm giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định là trường hợp sau khi thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a,b và c khoản này mà phải đầu tư cải tạo đất mới có thể sử dụng đất theo mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất”.

[2.1.2] Tại Biên bản xác định hành vi vi phạm do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N lập ngày 11/7/2019 có xác nhận của UBND xã P(BL 56) chỉ ghi nhận ông Nguyễn Ngọc T đã có hành vi: San ủi đất đá, làm đường bê tông trái phép, sử dụng đất không đúng mục đích, làm biến dạng địa hình; nhưng không ghi mô tả chi tiết hành vi hủy hoại đất thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Ngoài ra, không có tài liệu nào chứng minh với hành vi trên của ông T dẫn đến hậu quả làm cho đất bị mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định theo đúng như quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 91/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ.

[2.1.3] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa(BL 141,142) ghi nhận: trên hai thửa đất có nhiều cây đại, khoảng 80 cây lim do ông T tự trồng theo hợp đồng với Công ty C2 và 9 cây chuối nhỏ; trên thửa đất này làm 03 đường bê tông một bên trồng hàng cây, một bên trồng trụ điện; thể hiện phần diện tích đất bị san gạt này không có dấu hiệu của đất đại bị hủy hoại, cũng như không làm cho diện tích đất sau khi san gạt không sử dụng được vào mục đích là đất rừng sản xuất là rừng trồng; đồng thời cũng không có chứng cứ tài liệu nào chứng minh được việc san gạt mặt bằng đó làm thay đổi độ dốc bề mặt của đất so với trước khi san ủi để làm căn cứ xác định hành vi đó là hành vi làm biến dạng địa hình theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định 91/2019?NĐ-CP ngày 10/11/2019 của Chính Phủ.

[2.1.4] Từ những nhận định trên thấy, hành vi san gạt mặt bằng của ông Nguyễn Ngọc T không có dấu hiệu hủy hoại đất theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ. Do vậy, Quyết định số 1946/QĐUBND ngày 16/7/2019 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH07728 ngày 08/02/2018 và số CH07541 ngày 16/01/2018 của UBND thành phố N đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại N chính lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T là không có cơ sở và không đúng pháp luật.

[2.1.5]. Đối với phần diện tích đất làm đường bê tông 2.121,5 m², thấy: Hành vi của ông T thuộc trường hợp tự ý san ủi mặt bằng làm đường bê tông khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là không đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013. Do đó, ông T bị xử phạt vi

phạm hành chính về hành vi tự chuyển mục đích đất rừng sản xuất mà không thuộc trường hợp hủy hoại đất dẫn đến bị thu hồi.

[3] Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T đối với Quyết định số 1946/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH07728 ngày 08/02/2018 và số CH07541 ngày 16/01/2018 đã bác nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T là không có căn cứ và không đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc T, sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T, Hủy Quyết định số 1946/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH07728 ngày 08/02/2018 và số CH07541 ngày 16/01/2018 đã chính lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T vào ngày 08/02/2018 và ngày 26/02/2018, Hủy Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2022/HC-ST ngày 25/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa như sau:

Áp dụng khoản 25 Điều 3, điểm d khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 3, Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T về yêu cầu hủy: Quyết định số 6971/QĐ-XPVPHC ngày 17/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông Nguyễn Ngọc T;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T:

- Hủy Quyết định số 1946/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH07728 ngày 08/02/2018 do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn S – bà Nguyễn Thị C và số CH07541 ngày 16/01/2018 do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Châu Quang V đã được chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Ngọc T vào ngày 08/02/2018 và ngày 26/02/2018.

- Hủy Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T.

3. Về án phí hành chính:

- UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0001418 ngày 14/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/ 0010040 ngày 21/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (Nguyễn Đức P nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn